

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Nối mỗi số với cách đọc đúng của nó :

- a)

945075

Chín trăm bốn mươi năm nghìn không trăm bảy mươi năm
--

 (1)
- b)

940575

Chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi lăm
--

 (2)
- c)

940755

Chín trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm
--

 (3)
- d)

957405

Chín trăm bốn mươi nghìn năm trăm bảy mươi lăm
--

 (4)
- | |
|--|
| Chín trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm |
|--|

 (5)

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Giá trị Số	Chữ số 5	Chữ số 3	Chữ số 7
503427			
470532			

Câu 3. Chọn câu trả lời đúng:

a) Số 387654 có chữ số 8 thuộc hàng

A. Trăm nghìn B. Chục nghìn C. Nghìn D. Trăm

b) Các chữ số thuộc lớp nghìn trong số 246357 là:

A. 3, 5, 7 B. 6, 3, 5 C. 4, 6, 3 D. 2, 4, 6

Câu 4. Điền dấu > ; = ; < thích hợp vào chỗ chấm:

9899 ... 10000 20111 ... 19999

830678 ... 830000 + 678 74474 ... 74747

100000 ... 99099 910678 ... 909789

Phần II. Trình bày chi tiết các bài toán

Câu 1. Viết các số sau và cho biết chữ số 5 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào:

a) Sáu trăm nghìn không trăm năm mươi:

.....; Chữ số 5 thuộc hàng:, lớp

b) Hai trăm năm mươi nghìn một trăm

.....; Chữ số 5 thuộc hàng:, lớp

c) Năm trăm nghìn chín trăm mười bốn

.....; Chữ số 5 thuộc hàng:, lớp

Câu 2. Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

909010 ; 789563 ; 987365 ; 879653 ; 910009

Câu 3. Tìm x :

a) $x - 4956 = 8372$

.....

.....

b) $x + 1536 = 10320$

.....

.....

c) $x \times 9 = 57708$

.....

.....

d) $x : 7 = 1630$

.....

.....

Câu 4. Một tấm bìa hình chữ nhật có diện tích 108 cm^2 , chiều rộng 9cm. Tính chu vi của tấm bìa hình chữ nhật đó

Bài giải

.....

.....

.....

Đáp số: (cm)